

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 62 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 -2023

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Phương Lan.

Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 408/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 08 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị B**, sinh năm 1986; Đăng ký hộ khẩu và hiện cư trú tại: Số 1 ngõ 55 đường VT, phường V, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Đình Th**, sinh năm 1988; Đăng ký hộ khẩu và hiện cư trú tại: Số 1 ngõ 55 đường VT, phường V, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Chị B và anh Th có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/6/2023 và bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị B trình bày:

Chị và anh Trần Đình Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND phường V, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải

Dương vào ngày 18/9/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh Th tại Số 1 ngõ 55 đường VT, phường V, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, về trách nhiệm của mỗi bên trong việc xây dựng gia đình, nuôi con nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh Th đi làm xa, thường xuyên vắng nhà không quan tâm đến gia đình, anh Th không đóng góp vun vén cho kinh tế gia đình, nợ nần chị là người đứng ra giúp anh Th trả nợ. Nhiều lần vợ chồng nói chuyện nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh Trần Đình Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/07/2011 và Trần Ngọc Tú L, sinh ngày 12/04/2020. Khi ly hôn chị xin được nuôi hai con và yêu cầu anh Th Cấp dưỡng tiền nuôi cháu Linh là 5.000.000 đồng/2 con/ tháng (2.500.000đồng/con/tháng) kể từ tháng 7/2023. Hiện tại chị làm nhân viên văn phòng Công ty TNHH công nghệ Welco Việt Nam. Công việc làm giờ hành chính, không phải làm ca nên có nhiều thời gian chăm sóc con. Thu nhập của chị là 31.000.000 đồng/tháng. Hiện tại vợ chồng vẫn sống cùng với bố mẹ anh Th. Sau khi ly hôn chị sẽ ra ở riêng (bố mẹ đẻ chị đã cho đất để chị xây nhà riêng), bố mẹ đẻ chị sẽ giúp đỡ chị trong việc chăm sóc con. Chị cam đoan đảm bảo điều kiện kinh tế cũng như nơi ở để các con được chăm sóc tốt nhất.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh Trần Đình Th trình bày:

Anh và chị Lê Thị B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/9/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Công việc của anh thường phải đi làm xa, thỉnh thoảng có về nhà nhưng mỗi lần vợ chồng nói chuyện thường xảy ra cãi nhau, không chia sẻ được những khó khăn trong cuộc sống cũng như công việc. Nhiều lần anh đã nói chuyện để chị B hiểu nhưng không được mà mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị B xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/07/2011 và Trần Ngọc Tú L, sinh ngày 12/04/2020. Khi ly hôn anh xin được

nuôi cháu Tú L, chị B nuôi cháu Bảo A. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Hiện nay anh đang làm nhân viên kinh doanh tại Phú Quốc, thu nhập khoảng 18.000.000 đồng/ tháng. Hiện tại hai vợ chồng vẫn sống cùng với bố mẹ anh. Sau khi ly hôn anh sẽ đưa con vào sống cùng anh tại Phú Quốc ở nhà công ty. Anh cam đoan đảm bảo về điều kiện kinh tế cũng như nơi ở chăm sóc con tốt nhất.

Theo lời khai của bà Đinh Thị N (mẹ của anh Trần Đình Th) trình bày: Anh Thái và chị B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố Hải Dương ngày 18/9/2010. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng vợ chồng bà tại số 1 ngõ 55 đường VT, phường V, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Về cụ thể thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh Th, chị B bà không biết. Chỉ biết vào thời gian năm 2018, 2019, chị B bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, nhưng sau đó vợ chồng đoàn tụ thì anh Thái về sống cùng chị B tại nhà bố mẹ đẻ chị B. Đầu năm 2020 vợ chồng anh chị lại chuyển về sống cùng vợ chồng bà. Đến tháng 5/2020 anh Th muốn đi làm tại Phú Quốc nhưng chị B không đồng ý nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, sau đó anh Th vẫn kiên quyết vào Phú Quốc làm việc, ngày sau đó chị B làm đơn ly hôn anh Th. Về việc chị B là đơn ly hôn anh Th, gia đình bà động viên hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không nghe. Nay chị B kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Th và chị B có hai con chung là Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/07/2011 và Trần Ngọc Tú L, sinh ngày 12/04/2020, hiện chị B và hai con vẫn sống cùng vợ chồng bà, anh Th đi làm tại Phú Quốc nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà bà sống. Vì công việc của anh Th và chị B rất bận nên việc chăm sóc các con của anh chị là vợ chồng bà, kể từ khi anh chị kết hôn sống cùng vợ chồng và cũng không có đóng góp gì. Đến năm 2020 do bà phải đi viện mổ mật nên vợ chồng anh Th có góp tiền ăn là 3.000.000 đồng/tháng. Chị B là người trực tiếp đưa tiền cho bà. Mặc dù vợ chồng anh chị đang giải quyết ly hôn tại Tòa án nhưng chị B và các con vẫn sống cùng gia đình bà, các con của anh chị là hoàn toàn do vợ chồng bà chăm sóc. Việc ly hôn của anh Th chị B bà không can thiệp. Nếu Tòa giải quyết cho anh Th nuôi cháu Tú L, bà đồng ý giúp đỡ hỗ trợ trọng việc chăm sóc con giúp anh Th và đảm bảo nơi ở ổn định để cháu học tập và phát triển tốt vì từ nhỏ các cháu vẫn do vợ chồng bà chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Thái, đề nghị được nuôi hai con và yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con Tú L là 5.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh Th nhất trí ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Tú L, hai

bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

** Hướng giải quyết vụ án:*

Đề nghị áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Trần Đình Th.

Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/07/2011 cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Trần Ngọc Tú L, sinh ngày 12/04/2020 cho anh Trần Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về án phí: Đương sự chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án vì bị đơn là anh Trần Văn Th trú tại: số nhà 01 ngõ 55, đường VT, phường V, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Trần Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/9/2010, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác

định: Quá trình chung sống, chị Lê Thị B và anh Trần Văn Th đã phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện trong quá trình chung sống hai bên không có sự chia sẻ về công việc cũng như việc nuôi con, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau, cuộc sống vợ chồng có rạn nứt về tình cảm, không có tiếng nói chung, cuộc sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện hai bên đều xác định không còn tình cảm dành cho nhau và thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn giữa các bên là tự nguyện, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh Th.

[6] Về quan hệ nuôi con: Chị Lê Thị B và anh Trần Văn Th có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/07/2011 và Trần Ngọc Tú L, sinh ngày 12/04/2020. Xét nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của hai bên là chính đáng, nhưng việc giao con chung cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Tại thời điểm này chị B và anh Th đều có nghề nghiệp ổn định và đều đảm bảo điều kiện để nuôi con nên cần giao cho mỗi bên nuôi một con chung. Cháu Bảo A có nguyện vọng xin ở với mẹ ruột khác cháu đang ở độ tuổi phát triển nhanh về tâm sinh lý, giới tính nên có nhiều vấn đề cần được chia sẻ, hướng dẫn từ người cùng giới. Vì vậy HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Bảo A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Tú L cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Chị B, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh Th đều không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét.

[9] Về án phí: Chị B, anh Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị B và anh Trần Văn Th được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Trần Đình Th.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/07/2011 cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Ngọc Tú L, sinh ngày 12/04/2020 cho anh Trần Đình Th trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung thành niên. Chị B, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị B phải nộp 75.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) đối trừ với số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí, hoàn trả lại chị Lê Thị B số tiền 225.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2022/0000264 ngày 22/06/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Anh Trần Đình Th phải nộp 75.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị B, anh Trần Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự tp. Hải Dương;
- UBND phường V, **thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;**
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Thiện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Thiện